

VỀ KINH BẮC

(1959-1960)

Hoàng Cầm

Nhịp một

Khán nguyện

Bưởi Nga My sao mẹ bắt đèo bông

Đêm Thố

Cúi lạy Mẹ con trở về Kinh Bắc

Chiều xưa giẻ quạt voi lồng

Thân cau cụt vẩy đuôi mèo trắng mốc

Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông

Đê mười tám khúc Văn Giang

Chuông Bách Môn đổ xô gò má

Mây thành thổi lửa

Nẻo Đông Triều khép mở gió kỳ lân

Chớp rạch dáng tiên vén xiêm xỏa ngũ

Thoát chìm

Gấu đẩy đá Thiên Thai

Đi đâu

Tràng mây xéch vòng cung

Bán nát chiều mai ráng đỏ

Châu chấu ma vờn cổ yếm xây

Không gặp người quen

Hờ

Ngõ cũ

Đêm xuống

Làm lầu hoang

Trò chuyện gì ai đâu

Mồ tháng giêng mưa sũng

Đằm ca dao sáo diều chiều lịm tím lưng trâu

Bưởi Nga My sao mẹ bắt đèo bông

Đêm Kim

Về Kinh Bắc phải đâu con nghẹn khóc

Con không cười

Con thoảng nhớ thoảng quên

Hình nhân má đẹp tóc mực tàu

Mắt nghiêng dựa liếp

Mai nháy vào đám lửa giỡn đầu

Gấm Song Cầu khoác lại áo ngày xưa

Da trứng bóc

Phủ bụi tàn nhang

Phía đông kéo cửa xẻ gỗ

Phía tây chày nện ván thiên

Ông phó may già mười đêm chẳng ngủ

Rủ xô gai biển động tìm kim

Kèn già lam ai tập thổi

Gió mát chồi xuân đay nghiêng lũy tre dày

Năm ba gã trai tập bài lưu thủy

Một trẻ sơ sinh đuổi giọng mèo hoang

Qua miếu mưa phùn

Giặc bên sông đã cắm cờ hạ trại
Mẹ đón con rung gậy múa Đường Trèo

Đêm Mộc

Về Kinh Bắc phải đâu con hé miệng
Khế chua vôi bột lòng tay
Tràng pháo rònng thân cau mới bói
Tênh tênh chở đá Ba Vì
Tiếc gì nhau nữa
Lừa ong bầu châm lửa gót chân

Cói Thanh ép mỏng
Bao giờ lim gãy đá tan
Ngủ lại giấc mơ dang dở
Chùm cau căng nứt mạch tằm

Yếm may ba ngày mẹ vá lại
Khuya nghe buồng động bóng đêm rằm
Súng lệnh gươm đao rậm rịch
Thua
Lá màn lay
Muối ngủ mê

Đêm Thủy

Về Kinh Bắc phải đâu con nhắm mắt
Gài mảnh gương giàn thiên lý đợi tua rua
Chùa Phật Tích ruỗi trong màn lụa bạch
Tượng Quan Âm má ửng bồ quân
Chuông chiều cời yếm
Chuông sớm đội khăn
Câu kinh tê tê mười ngón tay măng
Mỡ đêm hè cuốc lội
Ao mưa dằng rịt lá trường sinh
Gió vào trâm cửa
Gió ra hồng da trinh nữ
Gió vào xanh quan lục
Gió ra vàng thớ mít
Ong bay vai áo tiểu thon mình
Thập điện Diêm vương mở hội
Trong mắt trẻ lên năm

Trưa hè gãy rắc cành hoa đại
Mái hậu cung bồ các tha rơm
Liều điệu vỗ hoa xoan lả tả
Lụa sòng nén nghẹn búp thanh xuân
Tờ kinh đắp mặt ru bươm bươm
Chuối chín cây đổ gục đứt dây bìm

Đêm Hỏa

Về Kinh Bắc tìm chơi đàn kiến lửa
Ngón tay di sợi chỉ nâu
Mây nôi rang úp chụp đỉnh đầu
Giun đất lòng thòng mỏ con gà trại

Võng mắc cành hồng chạc ổi
Kiều khăn
Dứt giọng nho sinh
... "buông mảnh...
... Con oanh học nói..."
Vợ xách giỏ cua đồng nghén nước
Hoa thui ngọn bí lông tơ
Đại hạn tháng ba
Lá lúa rang châu chấu

Mãi dõ con
Mắt cua nghênh già cảnh già người
Càng hy vọng tủa lên trời đợi bão
Chiều cớm suông
Năm ngón tay lẩn mộng trẻ nhỏ
Trăng lên chém đầu ngọn gió
Cành si bưng chậu máu chát chao
Cuối năm rì rầm tiếng khóc
Chàng ôi ngựa tía võng đào
Chợt mê thét giữa sân
Nét mác chữ thiên toạc lưng trâu mộng
Máu đỏ
Mây đùn
Gió lộng
Sớm mai đi

Nhịp hai

Kiếp trước

Giếng ngọc ẽnh ương quát đêm tiền sử
Nắng phù sa
Người thơ kể
Ướm vết chân bãi phù sa sông Đuống
Dựng tre làng Cháy
Sạt năm tầng mây lửa rục Phong Châu

Chuột thành than
Đen xạm dọc sông Hồng
Kẻ cướp run dưới Rạng-đông-thần-thoại
Người thơ kể
Thiên vương chẳng nói
Lúc gặt đầu
Vó ngựa đào ao hồ
Liên tiếp mãi Đông Anh
Thiên vương chẳng nói
Lúc nghiêng tai
Cò chớ nắng tề phi điệp điệp đằng ngà
Hoa gạo các triền sông
Giải lối Sóc Sơn bay
Người thơ kể
Thiên vương chẳng nói

Chân Mẹ còn đê mê cát mịn
Hội Gióng dong chiêng
Bé em về nằm khoanh lòng mẹ
Nghe nghìn muôn năm sau
Xoa nắn đôi bầu vú lửa
Sông dài
Cát bỏng
Nắng hồng hoang
Gió lông ngỗng
Lông ngỗng trải bờ lau
Sông Cầu xuôi bến Hát
Rập rềnh Mộ Dạ chiếu tân hôn
Chuỗi ngọc trai ai gửi lễ mừng
Vỏ ốc đồ bờ ao sờ sẫm tối
Bè lông ngỗng ngược sông Hồng mưa lũ
Cổ Loa cú rúc chòi canh
Giếng ngọc ếch ương quát đêm tiền sử
L...i...m...m
Ứ... !
L...i...m...m
Ứ... !

Mất rồi
Mười bảy mười ba
An Dương Vương ôi
Bọt bể bờ hòn
Sương Cầu Lim
Chấp chới lá chè non
Cầu Lim Nội Duệ
The Hà Đông đón kiệu
Bỏ quê Xim
Ếch Quế Dương xếp đui tròn gỗ trống
Sáo sậu Phù Ninh
Rợp nắng
Về Thăng Long
Đá nhẽn trông con
Gục đầu sườn núi Dạm
Lụa vàng xé lọc rắc tro tiền
Đề ngang khói bếp
Bật mùi khoai nướng
Đầu rau nằm sắp toạc môi
Trống Chờ thúc chín tiếng
Chuông Trữ nện ba hồi
Mỡ Phù Lưu khua bến đò Lo
Thấy phẩm Huệ xênh xang năm sắc áo
Biết lòng chim sáo chim ri
Gái Cầu Lim Nội Duệ đã đi
Khói Yên Thế
Ngựa Ô-truy lao cầu vòng Yên Thế
Râu cảm rừng quanh ánh mắt sao bay

Ngựa Ô-truy phi một đêm đến cửa Bồ Đề
Bờm nhả khói
Đuôi dựng mây
Hí lửa dài
Vó chồm nghiêng soái phủ
Nhe răng cười
Trai Cầu Vòng Yên Thế đã đi

Nhịp ba

Rũ bụi gia phả

*Bình pha lê nghiêng rượu
liêm đêm tàn*

Đèn nhang 1:

Ông già thả gậy
Bắc cầu phao vượt bến
Bạc đầu lên núi thổi cơm chiều
Tay rẽ lá giở trang vàng diêm sử
Áo Hai Bà dăng mắc
Rừng liên miên chi chít mộ Hùng Vương
Gia phả rũ bụi bay mịn chuốt Dó Vân
Cụ tổ mùi lăm đời
Cùng ngựa mặt với Trần Bình Trọng
nhận gương phương bắc chém
Cụ tổ mùi đời
Lăn đá Chi Lăng
Chẹn ngõ Đông Quan cứu viện
Gỗ ba hồi trống
Tuyên giờ tuyệt mệnh Liễu Thăng
Cụ tổ chín đời
Mở trang Bình Ngô Đại Cáo
Nơi thôn xa ba chén chúc mừng
Chợt thấy mấy hài nhi khăn trắng
Xăng canh gà thét đuổi đêm đông

Ông tổ năm đời
Cáo quan dưỡng bệnh
Tóc trắng bông bênh trước án
Câu thơ chênh mảng gói đầu tay
Tia hoàng hôn xuyên kẽ liếp
Dở khóc dở cười
Đưa cháu đích tôn vừa qua cơn sốt cuối răng
Ngựa cổ tri buộc ngoài ngõ trúc
Hũ rượu hoàng hoa
Hịch bốn trấn
Xé trang Luận Ngữ
Lau gương
Lên đường
Đời cha tiền sĩ năm Nhâm Thân
Kéo quân về cửa khuyết

Hỏi tội nghịch thần
Mắt Chúa đảo thiên
Kéo áo che ngại
Né mũi kiếm vô hình xóc tới
Phanh hãm nhét vôi một vàng dương
Cẩn nhọn móng tay
Thơ cùm lim khắc máu
Chợt nghe tin giặc dữ
Lấp sông san núi ùa sang
Vùng chặt xích bể gông
Phá cửa
Cướp ngựa Hình Tham tri
Phóng lên ải bắc
Dù ghen ngạo thuốc độc tam ban
Đã ngấm tủy xương từ chén rượu đêm qua

Đèn nhang 2:

Dó lụa lật trang
Sang chữ triện quan tài
Bóng người cô ruột
Mây uốn hàng cau cúi ngó vành môi
Sông trôi xa còn ngoái về
Xem gót chân uyển chuyển
Bao nhiêu núi đồi Kinh Bắc
Dịch sườn thông sang xúm xít
Quanh hàng mi
Nắng đọng hồ trong
Một sớm đi làm vương hậu
Cười rũ cỏ hoa
Rè tiếng trống chấp đèn khênh
Xà tích dấu đưa em
Nâng lụa ngang mày cảm tiếng khóc
Nhìn mây về ngọn cau
Mái rạ thiu thiu
Đi
Bứt lá xanh giữ cõi cành gầy
Níu cuộn lá vàng qua trận bão

Phân kim hạ kiệu
Khói ly đoài thoai thoải khúc hành vân
Mấy chục nguyên tiêu
Thời trần thừa thốt
Cơn trái nắng kén gì
Đúng lúc quả đào rơi
Vua băng hà
Đời hậu tất sao băng
Sợi tóc trắng quấn vòng Khiêm lăng
Chẳng dứt
Rêu lầy vàng trán thưở nào xưa cấy lúa
Nghềnh xem điều tàng xanh đảo cánh

Đêm ngủ gối đầu cẩm thạch
Hồn ma để bá cũng lang thang
Đói khát tình thương
Đá Quảng Nam quen lệ nghìn năm lấp sóng
Đêm doang tay
Mời vương hậu
Ngủ chung giường
Chợt nghe tin giặc dữ tràn sang
Bàn tay quần tóc khô
Che mặt
Về quê
Chết bên cây ngâu nhòm bể nước mưa đầy

Ngựa 1:

Trần Kinh Bắc vua nuôi đàn lính ngựa
Trăm trận đông đoài chập vút bì tiên
Cắt thịt chia da
Nhai cỏ úa lồi mòn đường quê chát đắng
Cô gái nhà ai đến đây cắt cỏ
Ngửi hơi chồng quanh quất cửa đông nam
Dù gục khóc dưới chân thành
Đã mất giải khăn đào hứng lệ
Người đổi kiếp ra mô đất xám
Đắp thêm cho vững mái lâu hoa
Chiều nổi cung đàn phi thúy
Thong dong
Trận mạc vãng lượng Phiêu-ky-tướng-quân
Phóng giữa Trường Sơn lớp lớp
San bằng đồi núi lô nhô
Vó sắt lún ba năm cỏ bông chẳng mọc
Tiếng hí dài
Ba lần triều đại đổi ngôi
Khoét thủng sáu lần hung phục
Đập rập tám lọng vàng đô đốc
Cha truyền con nối
Đã xơ lờ

Bên cầu lếch thếch trẻ mồ côi
Nhớ sữa mẹ gặm con ngựa út
Bờm lông còn ướt
Đã vênh tai nghe động trống doanh lâu
Nếp nếp áo châu
Ngã rạp
Chiến thư
Dùng dướng
Tử sinh
Ai gặp lúc tuổi măng háu đá
Óc ngu phu giám mã
Chạm yên
Đau rức xương hông

Quắm gót
Thốc ngang sườn quật thây tổng quản
Hồng rồi
Chiến trường không dụng
Đeo thẻ bài nhà Chúa
Ngắt ngựa gặm cỏ
Quanh quanh cửa bắc cửa đông
Nhìn tít mù xa khanh tướng
Cờ bay bụi lốc
Nghe tin về lái ngựa quận công
Xiêm quận chúa tung rung kỳ ngộ
Tiếng hí khải hoàn chìm lịm
Bình pha lê nghiêng rượu liệm đêm tàn

Xương vụn kéo lên gò đồng
Cháu bốn đời võ mã áp tai
Nghe trảng đặc rộn hoang vu
Còn thoảng khét mờ hôi
Ngày huyết chiến năm Thân
Những Việc-Quận-công Bằng-lĩnh-hầu
Đổ xuống bưng beo da thị rưng

Ngựa 2

Có một thời
Tin lửa đến giục thôn vàng ngái ngủ
Giặc tràn sang cỏ rạp ải quan rồi
Đàn lính ngựa vua nuôi
Bổng lử đôi mắt mỗi
Phi dài vệt khói
Cánh dăng dăng quan lộ
Áo nẹp vàng lên chín ngọn Hùng Sơn
Đường nắng bay từng đám hỏa hoàng
San sát rừng gươm
Gia Bình Bạch Hạc
Trần lên thốc ngược cờ đốc đồng Kinh Bắc
Trước mặt cào cào rộn cánh
Tốc xiêm y trăm sắc cung tàn
Trên lưng nắng hạn xém yên cương
Dưới bụng dầm dề cỏ rướn mình
Uống nước mưa thổ hoàng bách chiến
Giặc cuồng vất chân tháo chạy
Đầu lâu lẩn lóc vó
Vụn xương hàm cắm mốc biên thù
Tít tấp
Từ Tiên Yên Hà Cối
Đến Hà Giang dựng Cổng Giời xanh
Cũng từ thuở ấy
Cô gái quê thả tám khăn điều
Bay nối đường tre liền ngọn thác
Bạc phau đổ xuống tự vòm mây

Mắt ướt môi se không nức nở
Răng đen rưng rức
Nghiến oán thù tím ngắt
Nắng Phong Châu
Cũng từ thuở ấy
Lính - ngựa vua nuôi gọi lính - người

Hội vật

Trống lớn Giảng Võ đường
Đội bông vòm trời cao vót
Gió thương du dội lại
Mưa trung du thốc sang
Bão hạ du dồn vang
Ba hồi chiêng lảo đảo các toà lầu
Cong mái đỏ quanh thành
Kỳ xí đêm qua ủ gió
Sớm nay thả hết về nam
Săn đàn mây bò mộng ngổn ngang
Loa khua nắng thét mời đô lực sĩ
Hiệp trấn rón hia lên đài khảo sát
Tuốt gươm trần trăm vệ sĩ
Hai hàng tám tấp võ hoàng môn
Lệ ba năm nức lòng dòng võ tướng
Vua kén người giỏi tiên phong
Vật núi núi lặn
Ngáng sông sông gãy
Gái thường dân Kinh Bắc
Tìm ai đây giỏi phận làm chồng
Hai tay căng sợi chỉ
Quy ba đêm không mảy động đường tơ
Các ngã đường bụi đùn lốc nổi
Thác người đổ qua cửa ngõ
Cờ xua hết mây đi
Tòa biếc lắng xem
Trống vẫn thúc
Sạt sườn Tam Đảo đỏ nghiêng
Loa vẫn rải
Núi đồi trùng trùng đi bốn hướng
Chiêng lê thê sông Nhị
Dăng dài bãi mía bờ khoai đi
Một khắc cờ im gió đợi
Trai đô ùn động ngã tư thành
Ai từng buôn ngược bán xuôi
Chiều hoang rừng xế gập hùm
Liều thân cứu mạng
Tránh hổ vồ học được miếng leo đuôi
Ai xuống bể mò ngọc trai
Tặng người yêu dấu
Né đuôi cá mập
Bồng nên tài dụng phép thúc sườn
Ai lên núi chặt ngà voi tiến cống

Giỏi khoa vắn chệch hàm răng
Lại kìa ai thuở bé thích trèo cây
Giỏi môn vắn cổ
Ai vượt thác tìm vợ xưa tu chùa Yên Tử
Tài ngâm hơi phồng bụng ễnh ương
Ai vào núi ba ngày ăn một hạt vừng khô
Chân nhái bén ngáng khoeo mắt cựa

Lại kìa ai quen trộm gà bà thím
Miếng nắn đùi trụng tuột các đường gân
Lại có ai từng quen tranh nhan đoạt sắc
"Tài dùng phép Chiết yêu điểm huyết"
Cò bợ thảng tư mỗ rút ruột voi già
Loa càng dón dả
Võ nghệ mười phương
Hồi hộp bắc đồng cân
Đây Tống Dong Võ Giàng vào trước nhất
Nhiều xanh vắt hông
Cử vạc ba trăm cân
Nước đầy
Không sóng sánh
Rồi Bá Ngạc Tiên Du
Tư Đang Yên Dũng
Bóp tay vỡ toác đốt tre ngà
Nghiêng mình thi lễ
Mắt tràm tư ngó vọi khảo đài
Mấy giải hồng y phơ phát phần vua bay
Kìa Bảy Kinh khét tiếng Yên Phong
Gạt dón tre ngà
Cầm tấm mía nhai ròn
Thổi bã ngát trời bụi trắng

Đến Ba Ngư Siêu Loại
Trề môi khinh vạc lớn
Đứng tấn đại bàng
Lay voi đá cửa dinh
Nhấc bổng
Điều hai vòng bãi rộng
Phong ba động biển reo hò
Gái nhà quan bố nông
Cho giữ dịp
Bồng để rơi dùi trống
Nín hơi nghe rần rật
Bảo liên hồi
Trong búp lá măng tơ
Hồi còng buông trần lệnh
Từng đôi vào
Sư tử vờn quanh
Lên điệu "Bạch hầu đoạt trái"
Sang điệu "Hồng hạc tề phi"

Gái Tam Sơn đờ dẫn môi trầu
Ngực yếm phập phồng bười ngọt
Nhiều nho sĩ bút gài tai nghển ngó
Lòng run nghiêng thời vận Trinh Chu
Thùng thùng trống chuyển nhịp tơ bời
Nhiều đỏ bên trái lên
Nhiều xanh bên phải xuống
Nhòe bụi cuốn
Cột đồng dựng
Núi đá mọc
Ngón chân cày đất ba gan
Vật cỏ đuôi gà bật rể
Đất vỡ đài nhô lên lổm xuống
Chòng chành vạn chiếc mắt thuyền
Cờ xoay hướng chỉ lên tây bắc
Vẫy tê tê gạt gió
Xô về xem cuộc giao phong
Đã vào trận léo tay tư
Chùm trống rưng rã rời từng quả mồm
Ồi thôi
Bá Ngạc cắn môi vít gót
Bảy Kinh nhắm mắt xuống bò
Ba Ngự bạnh quai hàm chơi miếng hiểm
Tổng Dong nghiêng răng ken kết
Giật ngang mạng mỡ
Tử sinh là lúc này đây
Phẩm tước tay vua khua lũng lảng
Cồng chiêng thoi thóp
Dựng giăng chưa dứt miếng kỳ phùng
Đốt hồng lạp hai hàng cột cháy
Ánh lửa loáng lừng gò cật thất
Mồ hôi người máu nển
Rụng song song
Rạng đồng
Người toàn thắng bước ra
Ức vạn người xem khiếp sợ
Cuộc tàn tản mác cát lòng sông
Đô nhất là ai
Quê vùng đâu đó
Vươn tay chạm gờ
Tóc hắt sao mai
Quý xuống
Vọng về cửa khuyết
Lạ hai lạ
Lưng vàng rạp cỏ
Nàng chằm thi khép mắt ngoảnh đi
Kén được một người
Nụ cười chéch đôi mắt lạ
Vồn vã đến
Thông dong thua

Rồi lững lờ đi
Vua kén đủ mười hai đô úy
Triệu về kinh ban yến năm đêm
Giọt rượu hồng hoen bổ tử
Nâng ngự tửu xuống án rải thây trăm họ
Một lời khảng khái tung hô

Mai sớm kéo quân đi
Nghìn dặm lán thành xa
Khúc quân thiều còn múa lược
Vành tai sương cóng
Chiều tím bật sa trường màu giun chết
Thân mười thước đồ ngang rụng ngựa
Phơi mỗi quạ xúm đen ngòm
Bắp thịt đường gân ngày thí võ hôm xưa
Thoắt đã bày nhầy phân ngựa
Đêm vàng Kinh Bắc
Thuyền ngự đề sen chòm sóng rượu
Phi tần dâng hoa ngoài Thủy tinh cung

Lính thú

Lá cơm nếp dâng hương ngày giỗ mẹ
Mười lần khẩn gửi nước về xuôi
Lính thú đèo Mây
Vươn tay chém nứa
Xọc ngang sườn
Gục bên khe Vân tuyền nước động
Rừng khô thoáng động gót chân người
Quẩy gạo thăm chồng đồn thú đèo Mây

Cô hàng xóm cũ ở riêng
Lạt cánh sen buộc nem lá chuối
cũng gửi quà xưa hội tháng giêng
Góc tuần trăng chưa vội mặt sông
Đòn gánh đã theo củ giạt
Thúng Nha Kiêu nghe nghe mắt xuôi
Cụm tóc lá sung lạt mở
Bến về nghe sọt đập làng xanh
Thôn cũ
Đầu sân guốc chiếc nằm nghiêng
Cung quặng đo thân cau
Vại nước lưng chừng
Đuôi nắng quệt ngang cành ớt
Lưng trâu mười tuổi ngủ đồng xa

Nhịp bốn

Rồi cùng đi tất cả

Những cuộc dọn nhà
Tuần du trang sử rách
Trai đời Trần
Các con trai đi cả

Nợ nước xóa ơn vua
Một đũa cắn đứt dây buồm
Thuyền giặc đang xô bờ Hàm Tử
Một đũa theo lốt chân hươu chạy
xúc bóng thù gãy nát rừng Tuyên
Một đũa cuỡi cá voi quá đảo Cô Tô
Lùng mạch sóng đoạt lương
Nghìn học thóc
Một đũa ngâm thơ đàn gảy Vũ Hầu
Hổ báo cúp đuôi lè lưỡi máu
Lê thê từng vết đến Yên Kinh
Riêng một đũa gánh đôi bồ xiêm áo
Tìm ẩn nẻo Chí Linh
Gặp mũi tên lạc gió
Chết trong xó núi
Vợ không kịp chôn chồng
Lại lũng thống đôi bồ chạy giạt
Còn đũa cuối cùng mười bốn tuổi
Gói rau xam rau má
Ruộng nhà chấm muối
Côn Võ Tòng thẳng tới miệng beo gằm
Gái Hậu Lê
Dây lạc tiên vắt qua tường đổ
Đuôi cần nắn xé ngựa lưu ly
Sợi tóc ba nghìn dặm
Òi giải xiêm đào ngày tuyển lựa hoàng phi
Một nắm cơm khô rạn túi gương tà
dùng dấng bẻ đôi chiều nắng quái
Sét đánh phía kinh kỳ
Biến mất Vọng Tiên lâu
Qua núi Tam Tầng nghe tiếng hát
Cô gái điên
Ôm xác chồng
Lội đồng chiêm
Đàn quạ khoang mang vết bóng trắng thừa
Ném xuống cầu em cởi áo chiều xưa

Hoàng phi bện dây đay chằng lựa thùng
Từng đêm vuốt bụng
Nổi vết bào thai
Khóc âm y trước lúc ra đời
Đứa trẻ
Mẹ đắp vai con mảnh chần rách
Bụi dứa đại đầu bờ rẽ lối
Thôi con về ở với cha
Con về
Giấu giếm những bàn tay
Nâng vú
So đũa
Lau mắt

Phơi dây áo thêm sần
Bổ chặt cây sung cây khế
Cắm mía mía không lên
Nắng bùng lùm ớt chỉ thiên
Ai trồng mà mọc
Đến một ngày nhà đông khách
Khen con ngoan
(...con ngoan !)
Kiến mở cò trên mệt đường phen
Gác đồ mặt ngoài vườn
Gặt non nếp dự
Con trẻ tung tăng nhà đám
Nấp chân cây rơm
Dùi xe điếu
Trợn mắt
Thổi căng tròn bong bóng lợn
Cười nô ngoài ngõ
Nhận chị nhận em
Nhận thêm chú bác ông bà
Những người đâu ta
(...đâu xa...)
Thoáng đã chiều hôm thẳng thốt
Lạnh so
Em gánh gạo về dinh phú hộ
Nứt vai thành sẹo lá lan đao
Em chở nửa sang bờ duyên phận
Tay đóng bè chân xuôi thác ghềnh
Tuổi đã rách vá gì cho kịp
Da mỡ đông tuốt sẹo ngang thân
Tung tòi dòi gàu trắng nước giếng
Mát lửa kẻ tóc
Còn bủn rủn sẹo ngang sẹo dọc
Vắt áo nghe thềm tiếng vải kêu
Dòng dây vục mỗi đêm hồ tinh
Ấp vú mình trần con để trụi
Cành tre trải áo nếp thân hình
Phấn mùa trắng thoa mờ sẹo tuổi
Ai rình Em
Ai ngó Em
Chợt rùng mình níu đêm trần trụi
Gai đâm xiên mười ngón ân tình

Đếm sao

Mài cạnh mảnh gương mới vỡ
Đến bao giờ tròn
Đừng cửa tay mình câu hát ơi
Một tiếng buông khoan giữa nhịp
Vi chơi với điệu lúc tàn trăng
Ai ngờ để lòng Em muối đổ
Đông đoài đuổi mãi sao Hôm
Một thoáng gặt đầu

Giữa trời gãy cánh
Nửa mắt nhìn chên
Giếng cạn mùa mưa
Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao

.....
Đếm chưa xong
Em chớ
Gật đầu
Câu hát theo người leo ngọn thác
Đếm nắng
Sơn ca chắt nắng
Chuối trâu châu trú xuống mâm vàng

Tiếng gì dưới ấy
có phải tiếng vang
Tìm tiếng vang mình
Chui vào cửa hẹp
Cửa khép
Trách gì ai sáo trúc gây mê
Trách gì ai cặm cùi vót tre
Đan lồng vàng tía
Ngỡ trời mây trăm sắc ước ao
Chị bỏ Em đi
Cánh nhẹ trên sông
Chiếc lá mơ rừng
Hát lòng ngọn gió
Khóc đỏ chiều quê
Nhớ về mắt Em
Ới thương là thương
Động gót mưa xuân
Cười mặt trời hè
Ới thương là thương
Gà con nhớ mẹ
Cỏ vàng rung chân
Ới thương là thương

Đếm giờ

May cho Em tấm áo sồi non
Làng không mở hội
Cất cho Em hương quế nước trầm
Thăm đường má răn
Chim vàng phải tên dưới bụng
Giận mình bay quá cao
Bướm ngũ sắc rã rời tay trẻ xé
Trách mình quá lộng nắng tàn xuân
Trốn tiếng Chị cười
Nấp mắt Em trông
Trèo ngọn núi Neo đá chồm tai mèo
Mát chân rời rợ
Đừng ví thân Em hạt gạo tám xoan

Đừng vẽ hình Em hoa đào hoa lý
Đừng hát tình Em sóng vỗ mưa về
Đừng tạc mặt Em lệch mái thùy cung
Đợi sau khi Em qua đời
Sẽ đồng thành phượng núi
Cây đa đường xứ
Lớn lên ai hay
Vẫn cơn gió cũ
Bao nhiêu chiều vụn đá
Mặt nắng thay mùa mở lộc non

Theo đuổi

Em ơi thử đếm mấy giêng hai
Đêm hội Lim về
Đê quai rào bước
Đuổi tà lụa nhạt
Ánh giăng đêm thắm đường sương
Ấy bởi thương Em
Vườn khô bỏ ngõ
Gió vào ra bụi trĩu hồng thui
Ấy bởi thương Em
Mái nhà um cỏ
Chim vào ra vách đứng cột ngòi
Em về đồng chiêm đất rạn chân chim
Em đi mưa ngâu nước ngập đồi chè
Hồ nghe đêm hội ơi a
Lại xót mắt Em mi trường khép bóng
Lòng tay êm mát rừng tơ xa
Lại xót tay Em đêm trường ru võng
Rừng chân mây chưa động sấm quê nhà
Chân Em dài đi không biết mỏi
Má hồng Em lại nổi
Đồng mùa nước lụt mộng mênh
Lưng thon thon cảm sào Em đợi
Đào giếng sâu rồi
Đừng lấp vôi ngày xanh
Lý lý ơi khát khô cháy giọng
Tình tình ơi chớ động mảnh thưa
Chìa vôi quệt gió hững hờ
Bờ ao sáo tắm bao giờ...
...hờ Em

Nhịp sáu

Điểm trang

Những Hội hè Kinh Bắc
Những hội hè Kinh Bắc
Có thi nhau giật giải pháo toàn hồng

Thi sợi bún
Thi sợi bún
Khi quất

Quần năm vòng cột đình
Không đứt
Giã bột mười đêm
Pháo nổ không nâng hai hàng mi mọng
Mai về vỡ vại long châu
Đứt quãng hoa niên
Mai về lại dựng giường dựng chiếu
Lúc dựng giăng
Tóc quấn cột nhà
Con trần đen thoi thóp
Ơi đêm Đông Hồ
Nát nhàu thân tổ nữ
Sợ bún ngà vá lại dung nhan
Thì ăn mía thổi cơm
Thì ăn mía thổi cơm
Bụng đâu chứa hết những bãi sông xanh ngắt
Lửa đâu xém cánh tay bột nặn
Cháy phù sa ngọt sắc Yên Viên
Cơm vừa chín tới
Má xuân hồng
Lòng khói tím
Lịm sang thu
Bãi mía sông Cầu reo đáy bát
Ngửa mặt hứng mưa đời cỏ ngát
Ngươi dần cơn sốt bỏng môi hoa
Thì đánh đu
Luồn tay ôm say
Giấc bay lay đỉnh núi
Tuột hàng khuy lơi yếm tóc buông màn
Đùi chảy búp dài thon nhún vợi
Bàng hoàng tia chớp liệng nghiêng xanh
Thì hát đúm
Chiếc pháo xì loay hoay
Thềm gạch vỡ Bát Tràng
Chuối pháo đùng thềm bay
Bùng giấy đỏ liều thân
Lựa xé đôi tay
Bến nhức gan tằm
Người bỏ chồng vào thi hát đúm
Chệnh choạng lối mưa
Nón quai thao úp bụng
Người chồng bỏ cũng thi hát đúm
Gót chân bùn ngõ tối
Tuổi lợi
Tày đường mới sống trâu
Trăng khuya các bờ sông
Chùm sao mai soi hai mái đầu
Thì dệt vải
Lòng Em phau phau
Tìm đâu máu sợi

Một tấm trường giang
Đèn rọi võ vàng
Thoi chim khách đếm năm đi vút
Vải gột hồ hai má gột môi hoang
Thi thêu gấm
Từ thuở bé biết đâu
Chim uyên chim thúy
Kim se dây mà rẽ thúy chia uyên
Một mái rạ vàng ám Châu Long Dương Lễ
Ngơ ngẩn đường khâu áo lạnh Lưu Bình
Ai luôn kim giải áo dỡ dang mơ
Chàng Lưu ứa nước mắt
Bước ra thềm hong mưa
Hội chen Nga Hoàng
Chen Nga Hoàng
Len chèn nguyệt tận
Phụt nửa đêm đèn nến lặn
Ba hồi trống giải dầm dề
Lim dim bao dong ba nghìn mắt Phật
Tóc tung tình bờ xôi ruộng mật
Quanh co tỏa bốn hướng đình
Từng ngôi sao mắt người lung linh
Ai gọi...im lìm
Í ới...sao chìm
Đôi đôi ú tim...tìm
Oà ập...cánh chim...e ấp
Hồn mang mê vô cùng
Địa đàng say tới tấp
Không giờ không
Thăm thăm nguyện cầu hơi em nồng
Nhấn nha thôi
Ồi dùi nhẹ buông tênh...tang vờ câm
Ai nện xin thương ngằm
Gõ hồ đôi ba tiếng cuối buồn vang âm
Vi tay ải tay ai
Chưa nguôi tê mê thắm
Chợt bùng nghìn cây nến đỏ
Như sững sờ nghìn tội
Biết lợi về đâu
Cho qua cơn thịnh nộ sầu
Cụ Tiên chỉ già tuổi tình cạn kiệt
Tóc héo bùng đầu
Lùi lũi tiếc thời xa
Khua gậy cùn rập mấy thời sau
Tơ xanh ngậy ngậy đêm sông Cầu
Em anh giờ lẫn trốn bụi bờ đâu
Thì trối cả đời
Xin trối cả đời
Cột lim ư gãy rồi
Giường nhưng ừ sóng đôi

Sân đình
Lại Thị Mầu í a tung tình
Rung rinh
Chờ
Hội Gióng
Mùng Tám tháng Tư
Không về hội Gióng
cũng hư mất đời
(Ca dao)
Trăm đôi gái trai anh tú
Ngựa lồng bãi rộng
Gươm thần phun lửa đốt môi
Chú bé lên ba là tướng võ nhà Giời
Ai ngờ đã bốn nghìn năm manh mối
Xuân đến lựa the
Cầm gậy tre đi se duyên cô Tấm ông Hoàng
Vớt Trương Chi về gắm đở lâu Tây
Hội Long Khám
Hội Long Khám đêm sao chi chít
Bò đề mở lá thả ni cô
Thiện nam vin khói đi quanh chùa
Mơ Từ Thức
Gặp ngay quan huyện khác

Mẫu đơn một nhành rơi
Ngọc lan mười búp chấp
Nến tắt sao không tắt
Giải Ngân hà giải chiếu nâng hoa
Hội vãn rồi quan huyện về nhà
Quan-huyện-khác lại làm Từ Thức
Ni cô ơi
Hội Vân Hà
Lợn ba trăm cân
Kênh xuân lún ngõ
Khói bếp lun phun mưa
Mép chàng trai lún phún đương thì
Tết Vân Hà làng mở hội thi
Núc ních từng đôi chặt đường nghẽn lối
Cổ ba tầng
Giò lựa nổi
Giò mỡ chìm
Nem bồi rồi
Lá sung bay rụng đầy nong
Vại bỗng ngát ngư cười cải mả
Bát bỗng lim dim
Tìm mắt gái muện chồng
Sân một sào xôn xao
Sôi lựa thưởng
Mười lợn thi đi chặt cổng đình cong
Đêm phùng chèo trống giục

Vùi lấp nỗi niêu
Hồi tiếu cùng eng éc
Khúc giáo đầu bi tráng lợn nhà kêu
Ba ngày tiếng dao phay liếc nhanh thành vại
Ba đêm chim lợn toác sương gieo
Chai đại lẫn kèn giữa chiếu
Chai bổ chéo khoeo
Vật vờ góc ban thờ
Chai con gậm giường rứt cổ
Túy lúy mềm soãi tóc khóc ngu ngo
Hội tàn men
quần quanh nghiêng ngửa
Giật yếm đào túm vôi đôi bầu
Bồng đóp chát mắt đom đóm nổ
Mịt mù hơi rượu miếu cô Mau.

Hội đèn tám Vua triều Lý
Hội đèn tám-Vua-triều-Lý
Còn đau thớ gỗ phượng rồng
Chen chúc khoảng trời thương nhớ
Tạnh thời gian
Tám tượng ngồi mê tà khói mỏng
Đề thạch sùng vào bụng rỗng
Chép miệng vàng son ngút khói tan
Đôi lính Chiêm Thành canh cửa Việt
Quê hương quê hương xa không về
Tù binh gửi máu vào tay chạm
Đứng cửa còn trông thấy đất Chàm
Bát đế ngoái nhìn trang sử ố
Nghìn năm sao chẳng tuyệt nòi tham
Giá như tế lễ uy linh thế
Được tái sinh nhiều đáng minh quân
Hắn Công Uẩn đã tâu Thượng đế
Treo trống hồn vua lắng tiếng dân
Hỡi ơi Chiêu Thánh sao không nói
Người ta lo dựng nghiệp lâu dài
Ai lo việc cưới chồng công chúa mò côi
Ví như không có Trần Thủ Độ
Mắt đại Vua Bà biết chọn ai
Quân cờ chí chát đêm Kinh Bắc
Mấy ngón tay tính nước vào ra
Vân về nhẩn nhụi cạnh ngà
Tròn lăn cung cấm trẻ con chơi

Nhịp bầy

Rồi lại đi

Bước sấp qua cầu nghẹn tiếng

Luân hồi

Con đầy ư

Con đã về Kinh Bắc

Những cỏ Bồng Thi
Vớی dế đầu si
Những lá Diêu Bông
Vớی đôi xe hồng
Luân lưu thụ thai qua chín đời
Đằng đẵng
Đến khi con lọt lòng
Cây đu đủ sau nhà vừa bầm ngọn
Đội mũ niêu đen
Đi trong đêm mưa dầm
Mẹ đau trở dạ
Sinh con ra
Tiếng tù và xé canh ba
Báo hiệu cơn giông nín lặng
Trống liên hồi ra đi
Ngăn trận bão bao la
Trong giọt lệ cuối hàng mi
Con đấy ư
Mười ngày không khóc
Mười thày lang dờ dẫm
Ven giường ẩm ướt
Mười đêm
Tiếng trống chèo vượt ngực Châu Long
Bước “sấp qua cầu” nghẹn tiếng
Đợi mùa
Mùa chưa về
Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ
Dây tre xa giấu biệt giải khăn điều
Khi gậy nắng kẻ ăn mày đã quăng sau núi
Hàng tre nhà yếm
Trả mẹ về
Lều dột mưa đêm
Thì Chị đi mấy lối chân chim
Để Mẹ về bao phương bèo nổi
Riêng Em nằm chờ đợi mai tu hú gọi
Như không có Mẹ từ năm biết gọi gà
Chiêm chiêm xó nhà mưa mọt
Xanh gì chớm tóc lên ba
Khi cọc cầu ao dứ mắt chuồn chuồn
Buồn ngủ rã rời cánh mỏng
Em đi mãi những đường làng ngõ ngất
Nhặt lá đa đan mũ Chiêu Quân
Hát vắn vợ lời sấm chợ
Gậy mù người hơi đường lạ
Bóng cây rợp mát lưng gù
Chiều lá dứa tít mù chong chóng
Gió mát này Mẹ quạt
Từ chành chéch nẻo tàn trắng
Có cô lảng giềng trái đào vắt vẻo
Hỏi đặng ấy đi đâu

Em lên núi xa hái cỏ thiên đồng
Cài tóc Chị sênh tiền gỗ nhịp
Đánh bông trên mái đình cong
Em bước vào đình
Ôm cột mấy người ôm
Em rẽ sang chùa
Lay chân hộ pháp
Sau chùa tát đèm một chạp
Gầu giai ai vớt Chị ơi
Lòa lòa thân trắng
Chị lờ xe hồng
Mẹ đi lấy chồng
Cổ cưới chênh vênh khoai luộc
Mật vàng mọng rách vỏ nâu non
Cắm bốn que tăm
Khênh nhị hỉ đẩy lưng lợn béo
Phần Mẹ khúc đuôi

Lá

Có nét buồn khô nguyên
Chìm sâu vào đặng đặng
Có tiếng ca ưu phiền
Chìm sâu vào lắng lặng
Và dai dẳng em ơi
Là cơn say khát lá
Cứ thon mềm xanh lả
Trong men quê bồi hồi

Ngõ

Sao không thể khép cửa buồng thương nhớ
Còn phong phan manh áo
Dắt về những ngõ làng xưa
Sao không quên chiều đổ mưa
Con rô rạch ngược
Nướng cong mùa thơ
Cơm nghèo thưở trước
A bê ghé ơi
Mưa Thuận Thành
Nhớ mưa Thuận Thành
Long lanh mắt ướt
Là mưa ái phi
Tơ tầm óng chuốt
Ngón tay trắng nuột
Nâng bông Thiên Thai
Mưa chạm ngõ ngoài
Chùm cau tóc xoắn
Miệng cười kẽ lá
Mưa nhòa gương soi
Phủ Chúa mưa lời
Cung Vua mưa chơi
Lên ngôi hoàng hậu

Cứ mưa Thuận Thành
Hạt mưa chưa đậu
Vai trần ỷ Lan
Mưa còn khép nép
Nhẹ rung tơ đàn
Lách qua cửa hẹp
Mưa càng chứa chan
Ngoài bến Luy Lâu
Tóc mưa nghiêng đầu
Vành khăn lỏng lẻo
Hạt mưa chèo bèo
Nhặt nắng xiên khoai
Hạt mưa hoa nhài
Tàn đêm kỷ nữ
Hạt mưa sành sứ
Vỡ gạch Bát Tràng
Hai mảnh đa mang
Chiều khô lá ngải
Mưa gái thương chồng
Ướt đầm nắng quái
Sang đò cạn sông
Mưa chuông chùa lặn
Về bến trai tơ
Chùa Dầu ni cô
Sao còn thần thơ
Sao còn ngợ ngần
Không về kinh đô
Ơi đêm đợi chờ
Mưa ngồi cổng vắng
Mưa nằm lắng lặng
Hỏi gì xin thưa
Nhớ lựa mưa lùa
Sồi non yếm tơ
.....
Thuận Thành đang mưa...
.....

Nhịp cuối

Về với ta

Ngủ say rồi đôi cá đồng đong

Về với ta

Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh
Đi mãi tìm sim chẳng chín
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô
Gặm cỏ mưa phùn
Dóng dả gọi về đồng sương
Đôi ba người lặn đạ
Đêm nay mẹ chẳng về chuông
Ta con chào mào khát nước
Về vườn xưa hạt nhãn đã đậm mầm

Cây ôi giờ xương
Chống đỡ mùa đông xập vè
Đánh úp
Ô này tám đờ ra hoa
Ta con chim cu
Về gù dặng tre
Đưa nắng ấu thơ
Về sân đất trắng
Đưa mây lành những phương trời lạ
Về tụ nóc cây rơm
Ta ru em
Lớn lên em đừng tìm mẹ
Phía cơn mưa

Ta con phù du ao trời chật chội
Đứng cánh bèo đo gió lạnh tìm sao
Uống nước mắt con vành khuyên nhớ tổ
Vừa rụng chiều nay
Dềnh mặt nước hương sen
Ta soi
Chỉ còn ta đập lụi tinh tú
Ngủ say rồi
Đôi cá đồng đong

Xong cuộc tuần du

Tuần du chưa vội khỏi ân tình

Vĩ thanh

Thai nghén quê xưa

Về kinh bắc lọt lòng

Qua tám nhịp tuần du dạ khúc

Đó là vào năm 1959. Vụ Nhân Văn-Giai Phẩm đã qua đi như một trận gió mạnh. Sau, dĩ nhiên có một vài cây đờ, lá rụng đầy đường, có những túp nhà tốc mái, có những bức tường xiêu vẹo. Xong, trời lại xanh, đường phố lại rộn rịp nếp sống thường ngày. Tôi, lẽ đương nhiên phải chịu kỷ luật (trên văn bản, giấy trắng mực đen do ông Nguyễn đình Thi, tổng thư ký hội nhà văn ký: Khai trừ khỏi ban chấp hành hội. Thời hạn một năm không được ấn hành tác phẩm lưu lại hội để giáo dục. Và cũng chỉ có thế, còn đời sống vật chất cũng chỉ sa sút có 50%. Vẫn có lương nhỏ nhoi hàng tháng (lương chính bị cắt tới 65%), lao động chân tay bắt buộc trong ba năm, sau thì được tự giác tìm một nơi nào đấy lao động chân tay có thêm tiền bồi dưỡng. Cũng vui, và chính cái việc tôi sinh hoạt, sống ba cùng với nông dân, công nhân đã giúp tôi hiểu thêm về những số phận người.

Phải nói thật một điều, thường người ta khó tin, là hồi đó tôi không mang trong lòng, dẫu chỉ một ly nổi oán hận, nỗi buồn phiền, hoặc trách móc hờn giận gì ai. Đôi lúc, chỉ nghĩ về chính số phận mình, có chút cay đắng, có xót xa. Nhưng vì “đã mang lầy nghiệp vào thân” như Nguyễn Du nói, cái nghiệp thơ đầy đau khổ, oan trái, nhưng cũng nhiều hào quang tỏa ra từ tâm linh và từ những câu chữ kỳ diệu đã đem đến cho mình không ít giờ phút say sưa, ngay trong cuộc sống bình nhật cũng không ít hạnh ngộ đẹp, tôi được gặp nhiều người nam, người nữ rất trong sáng, yêu thương mình hết lòng. Dân tộc là thế đấy, thừa các bạn.

Vậy thì vào mùa Thu rồi sang mùa rét 1959, ít khi tôi ra khỏi nhà. Ngày hai bữa cơm nghèo, mấy tấm áo quần đã sờn rách, một lũ con nhỏ đại lau nhau đi học,

chơi đùa, đau ốm, tất cả tôi trao gánh nặng cuộc đời ấy cho người vợ rất giỏi chịu đựng kham khổ, người vợ thật hiền thảo, thật thương yêu chồng con (mà rồi đây, trong tập Nhớ lại một đời, tôi sẽ viết một chương riêng để đền đáp tình nghĩa lớn lao ấy cho người vợ đã giúp tôi đẩy chiếc xe thơ Về Kinh Bắc đi trọn đoạn đường thiên mệnh của nó).

Vâng, đúng là năm Kỷ Hợi 1959, từ khi chiếc lá bàng trước cửa nhà rụng xuống báo tin Thu (lá bàng chứ không phải lá ngô đồng), hồn tôi cứ chìm dần, chìm sâu, chìm và lắng thật sâu vào vùng quê tôi ngày xưa, thời tôi còn nhỏ dại, với biết bao bóng dáng, đường nét, màu sắc, hương vị đã quá xa, đã “đi đâu, về đâu” tôi không thể biết nhưng cả một thời, từ khi vào tuổi bước đầu nhận thức được cõi đời này đến khi rời quê ra Hà Nội học tiếp rồi vào hẳn thế giới văn thơ (1938) nghĩa là cái khoảng thời gian 12 năm thơ trẻ ấy của tôi thì sống lại, và ngày đêm thầm thì nói chuyện với tôi về quê hương, về tình yêu, với những nỗi buồn, niềm cô đơn, nỗi xa cách, nỗi ly biệt cứ tầng tầng lớp lớp úp xuống hồn tôi như một đại dương trập trùng sóng gió, miên man xanh một màu huyền-diệu-dĩ-vãng rồi xẻ ngang, vạch chéo vút cao, xoáy sâu không biết bao nhiêu những nét rung động, có khi vỡ vàng, gầy mảnh, có khi tươi tắn, ngỗ ngàng, lúc như ai oán, lúc như mơ mộng nhưng vui ít buồn nhiều, cái đau của những thuyền tình không đến bến, những nguyện ước không thành, những mộng đẹp tan vỡ, những men say nửa chừng, những con mắt mỹ nhân đã khép, những tiếng hát người yêu đã tắt, những làn da mịn màng người gái quê Kinh Bắc đã nhăn nheo, những sợi tóc xưa óng ả nay đã úa bạc. Tất cả...tất cả...tôi bơi, chìm trong tất cả da thịt quê hương, hồn phách quê hương. Quê hương Kinh Bắc. Và lời mở đầu cho tập thơ là một lời cầu khẩn từ đáy tâm linh thơ dại: *Cúi lạy mẹ con trở về Kinh Bắc.*

Nói đến quê hương, phải bắt đầu bằng Người Mẹ. Mẹ là hiện thân trọn vẹn nhất, sinh động nhất của quê hương. Huống chi mẹ tôi xưa vốn là một cô gái Kinh Bắc có nhan sắc, óng ả, kiều diễm, có đôi mắt “lúng liếng” thật tinh tú, đôi mắt rất Quan Họ, có dáng đi đài các, uyển chuyển, thanh tao và khi mẹ tôi mặc chiếc váy lụa kiểu Đình Bảng, mép váy buông chùng cửa võng xuống mu bàn chân, ai trông thấy phía trước mặt đều tưởng như người con gái này đang đi trên sóng rập rờn, nhất là khi người nữ biết cách mặc cho đúng “mốt Đình Bảng”, nghĩa là biết chếp nếp thế nào đó trên thắt lưng để ở phía dưới càng có nhiều pli càng đẹp. Cô nào giỏi chếp nếp thì từ mép váy lên có đến 4 pli. Nói rằng cô gái đang đi trên sóng, là một cách nói chuẩn xác.

Hơn nữa, mẹ tôi lúc chưa đi lấy chồng, nghĩa là chưa làm vợ người đàn ông sau này là cha tôi, đã nổi tiếng khắp vùng Tiên Du, Thuận Thành (hai huyện ở tả ngạn và hữu ngạn sông Đuống, thuộc Tỉnh Bắc Ninh) nổi tiếng là cô thiếu nữ hát Quan Họ rất hay, năm nào cũng được các lão làng Bựu-Xim (tên làng quê gốc của mẹ tôi) khen thưởng cho cả phường hát ấy một tấm lụa điều và một bánh pháo đại quang toàn hồng. Lấy chồng rồi, ngoài công việc mưu sinh mẹ tôi vẫn theo các chị em đi hát. Tháng tám âm lịch thì tập luyện, sáng tạo ra những làn điệu mới, lời hát mới để đến ngày 13 tháng giêng sang năm, thì dự giải hát thi ở Đình Làng Bựu (làng này, Thế Kỷ 18, là nơi sinh ra người con gái tài sắc tuyệt vời Trần Thị Tần (1740-1778) để đến tuổi 18 thì Tần đi làm vợ thứ ba, người vợ yêu bậc nhất của quan Đại Tư Đồ Bình Nam Tả Tướng Quân (ngang với Tể Tướng) tên là Nguyễn Nghiễm, Xuân Quận Công, và rồi sau sinh ra một đại thi hào cho đất nước : Nguyễn Du). Mẹ tôi (1891-1961) là con gái làng Bựu, đương nhiên được hưởng, được thừa kế tinh hoa Quan Họ. Đó là nghệ thuật hát thơ, những câu thơ (cốt lõi là thể lục bát) trữ tình, mang đầy sức quyến luyến, yêu thương, nhớ nhung, đắm thắm và da diết đến mức có thể làm say cả gỗ đá.

Lại cũng vì mẹ tôi cứ say mê với nghệ thuật hát mà thuở tôi chưa ra đời, giữa đôi vợ chồng trẻ (là bố mẹ tôi sau này) đã nảy sinh một bi kịch kéo dài đằng đẵng 12 năm. Năm 17 tuổi, mẹ tôi về Thuận Thành, làng Hồ, làm vợ bố tôi, mà tại sao tôi là con đầu lòng, mãi đến năm mẹ 31 tuổi, mới được xỏ ra cõi đời này ? Thuở bé, tôi thường nghe các chú, các bác bên nội, bên ngoại kể chuyện một cách khái quát (không có chi tiết) rằng “bố mẹ mày chê nhau lâu lắm, đến hơn 10 năm đấy”.

Tôi nghe thế thôi, biết hỏi ai ? Ai kể chi tiết gì đâu về cái chuyện đôi vợ chồng ấy chê nhau đến hơn 10 năm ? Bố tôi nguyên là một Nhà Nho (1886-1959), ba lần thi Trường Nam Định không đậu nổi ở cấp hạng bét là tam trường, sau rồi bắt đắc chí, bỏ làng đi dạy học lang thang và cũng lại lang thang đi chữa bệnh khắp các huyện trong hai Tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, rồi đâu như cũng là người yêu nước có khí tiết, đã tham gia các phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du, Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học. Tôi còn nhớ hồi lên 6 tuổi, tôi thường phải đun nước, điều đóm, hầu trà để bố tôi tiếp bạn thân là ông Xứ Nhu (Nguyễn Khắc Nhu). Năm tôi lên 7 (1929) bố tôi đã bị viên Tri Huyện Việt Yên đem lính đến khám nhà rồi tống giam ở Thị Xã Phủ Lạng Thương đến gần một năm mới được tha về (có lẽ là ông bị tình nghi, đế quốc Pháp đã dẹp tan Việt Nam Quốc Dân Đảng, bố tôi không có chứng cứ gì cụ thể để chứng buộc tội). Từ đó thì bố mẹ tôi sống yên phận: Bố bốc thuốc Nam, thuốc Bắc chữa bệnh, mẹ trịu nặng hai bờ hàng xén đi các chợ làng, chợ huyện, một cô hàng xén răng đen, cười như mùa Thu tỏa nắng, chăm chút nuôi con ăn học bằng cách thắt lưng buộc bụng. Nhờ vậy tôi mới có điều kiện học được hết bậc Trung Học ở Hà Nội.

Vậy là trong người tôi hòa quyện hai dòng máu. Dòng máu của nghệ thuật Quan Họ, dân ca hòa với dòng máu yêu nước, hào hùng và khí tiết, và cả hai dòng đều rất mực sắt son, thủy chung như nhất.

Thế nhưng, không hiểu sao, tôi sớm có cái buồn cô đơn ngay từ năm lên sáu, lên bảy tuổi. Bẩm sinh chăng ? Hay chính là nỗi buồn của người con gái tài sắc lấy chồng từ năm mười bảy tuổi mà phải sống cô đơn đến hơn mười năm ? Tôi lớn lên, chính mình được nghe mẹ kể: Lúc mẹ trở dạ sinh ra tôi thì gian nhà tre, mái rơm vách đất tiêu tụy ấy rất trống vắng. Bố mẹ thì ở xa. Mẹ chồng góa bụa, già nua cũng ở xa. Chồng tuy mới làm lành với vợ được hơn một năm, mà người vợ ba mươi tuổi kia lúc mang thai cũng vẫn sống nhiều tháng ngày cô đơn, lạnh lẽo vì chồng cứ đi... đi đâu ? Dạy học hay làm thuốc rong, hay hội kín hội hở gì mà đi luôn thế, đến lúc vợ đẻ cũng không có mặt ở nhà ? Đến lúc đau quá, người thiếu phụ ấy kêu thét lên thì bên láng giềng mới có một bà chạy sang đỡ thẳng bé ra đời, cắt rốn cho nó bằng con dao bồ cau rồi tắm rửa...tã lót cho nó, cũng may mà nó sống được, chỉ phải cái tội là sau mấy tiếng oa oa đầu tiên thì nó im bặt không khóc nữa. Chào đời mà không khóc cho thật to, thật dài hơi vào à ? Thằng cu này gan nhĩ, hay là ai bắt mắt vía để nó nghẹn không khóc lên được nhiều ? Bà hàng xóm vừa bế tôi, vừa thấp hương lên cái ban thờ phía đầu giường, khấn vái bốn phương. Lúc đó đã gần nửa đêm 12 tháng giêng Nhâm Tuất (1922), chỉ còn một lát nữa là sang ngày Hội Lim, Hội Quan Họ, ngày mà nhiều năm về trước, mẹ tôi xúng xính áo the đen tứ thân, khăn vuông mỏ quạ, vành khăn nhiễu tam giang, váy lụa Đình Bảng, đi dép da trâu mũi cong, thắt lưng hoa đào hoa lý, cùng với bốn năm chị em phường hát đi ra Đình từ sớm để rồi hát chúc, hát thi...còn ngay lúc sắp nửa đêm ấy, vào cái giờ tôi bật từ bụng mẹ ra cõi nhân gian rất đẹp mà cũng rất rắc rối lắm chuyện này, thì ở Đình làng, cách nhà chừng non cây số, như vắng vắng vẫn còn tiếng trống chầu của đêm hát chèo. Mẹ tôi kể vậy nên tôi nhớ cả cái vùng Kinh Bắc cách đây sáu bảy mươi năm, các thôn làng thường mở hội suốt tháng giêng, tháng hai.

Hội to thì kéo dài dăm ngày, hội nhỏ nhất cũng phải một ngày một đêm mới rã đám. Những lời mẹ kể tôi nghe từ năm lên sáu về cảnh nhà, cảnh xóm, cảnh thôn xã, cảnh phố huyện, phố phủ, cảnh chợ núi chợ sông, rồi đến chuyện người, ông bà, họ hàng nội ngoại, người xóm thượng, xóm hạ, người quê gốc...người ngụ cư, người cấy cày, người chợ búa, người làm quan, người đi lính, người “làm thầy, làm thợ với làm thuê”, người dân nghèo, sang hèn, quen thân hay sợ, nhiều lắm, mẹ tôi kể nhiều lắm mà hồn tôi từ thuở bốn năm tuổi cho đến khi biết đến cái Cầu Long Biên và phường phố đô thành, hồn tôi đúng là một trang giấy mỏng manh, trắng nõn, tinh khiết, mẹ kể chuyện nào là cũng in đậm ngay vào hồn tôi chuyện ấy để rồi giá tôi được sống đến mười mười chẳng nữa sẽ chẳng có một cái gì có thể xóa đi được, dấu chỉ là một nét mong manh, một màu thoảng nhạt, một hương vị thoảng qua... Vậy nên, cả tập thơ Về Kinh Bắc tôi viết từ lập Thu 1959 đến giữa Xuân 1960, là quê hương tôi, cảnh ngộ gia đình tôi...số phận mỗi người thân yêu...nhất là số phận những người gái quê Kinh Bắc đã hiện lên thành 48 bài thơ gắn bó hữu cơ với nhau trong một thể, một khối phương thống nhất chia làm tám nhịp, mở đầu là Cúi lạy mẹ, con trở về Kinh Bắc và sau khi Xong cuộc tuần du là mười dòng ước nguyện tạm kết thúc một chuyến về thăm quê xưa, về Kinh Bắc.

Bốn tám dáng thơ đi tám nhịp

Tuần du

Chưa vội khỏi ân tình

Vâng, một cuộc “tuần du” đi từ người Mẹ ngược về những sự tích huyền sử, dã sử, về những chuyện tình huyền thoại đến cả những chuyện thực đã diễn ra hôm qua và hôm nay. Gọi là chuyện nhưng thơ lại là kết tinh. Trong viên ngọc kết tinh của muôn vàn nỗi niềm, cảnh sắc, hương vị, âm thanh, tiết tấu của cuộc sống vừa là xa xưa, vừa là đương đại, lúc huyền ảo, lúc hiện thực, như mê mà tỉnh, như ngủ mà thức, hư hư thực thực ấy, thì hình ảnh mẹ tôi bàng bạc bao phủ cả tập thơ, rồi đến một cậu bé con cầm chiếc lá Diêu Bông trong tay đi xuyên thời gian, xuyên suốt vùng quê đa tình, diễm ảo, và bên cạnh cậu bé con ấy là một người gái quê cũng đa tình diễm ảo, như cánh mây trắng mỏng cứ vờn vờn, như chạy như bay, lại như đậu tà tà trên lá cỏ, trên cành hoa, lúc cao thì cao vút không ai níu được vạt áo, lúc thấp thì lại rành rành trước mặt như một cành cây, một chiếc lá bình thường. Hai nhân vật EM và chị này choán hết cả một nhịp, nhịp năm của bản đại hợp xướng Về Kinh Bắc trong khi cái giờ tôi ra đời thì tác giả đẩy xuống cuối nhịp bảy, sửa soạn cho nhịp cuối cùng của tập thơ. Đó là một khúc thơ có tên Luân Hồi.

Nói chung, hầu hết những bài thơ của tôi được đọc giả ưa thích trong nhiều năm bao giờ cũng bắt đầu một cách vi diệu là từ ngoài tôi, vẳng lên đôi ba câu nghe rất rành rẽ, giọng nữ lãnh lót mà rất xa, như hát mà như đọc. Như một tia nước trong vát phun lên từ ruột đất khi chúng ta thăm dò mạch nước ngầm để đào giếng, khi đã có đôi ba câu vẳng lên bên tai, tôi ghi ngay, bắt lấy ngay và từ đó là tình cảm, suy tư cuộn cuộn trong người, tôi thường tiếp được mạch khởi xướng ấy và nối luôn các đợt sóng tuôn trào cho đến khi thấy trong người yên ắng, nhẹ nhõm là bài thơ cũng hoàn tất. Ví dụ như bài thơ dài Bên Kia Sông Đuống (tôi đã viết rất tỉ mỉ, thuật lại những trạng thái của tâm tư mình trước lúc bật ra thơ, bài viết ấy đã đăng trên tuần báo văn nghệ số kỷ niệm 35 năm thành lập hội nhà văn Việt Nam, tháng 5.1992) tôi đang ở trong trạng thái bồn chồn, thao thức, tâm tư rối bời sau khi nghe báo cáo về quê hương mình bị giặc Pháp xâm lược kéo lên tàn phá, giết chóc, tôi chưa định viết gì, lúc quá nửa đêm vắng lặng, bỗng vẳng vẳng bên tai ba câu:

Em ơi buồn làm chi

Anh đưa em về sông Đuống

Ngày xưa...cát trắng phẳng lì

Tôi bèn chụp lấy, ghi ngay và cứ thế cảm xúc trào ra một mạch dài, viết rất nhanh, sợ không theo kịp những thanh âm, làn điệu đang cuộn cuộn dâng lên trong lòng mình. Cho đến gần sáng thì xong bài thơ, một trong những bài được các bạn già, trẻ, nam, nữ yêu mến đã gần nửa Thế Kỷ. Những bài thơ như vậy, thường là không theo một ý nghĩ, một tư duy nào định trước, tác giả giống như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là viết theo tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc thầm thì từ trong tâm can mình, ở những trường hợp ấy, tôi không hề cấu tứ, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật lệ nào gọi là thi pháp hoặc tu từ, hoặc chịu sự ràng buộc nào của phép tắc về thanh điệu, ngữ điệu gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả tâm hồn và thể chất, khí chất.

Đương nhiên, những bài bật ra như vậy không nhiều, còn người làm thơ thường phải khổ công tu luyện những con chữ, tu luyện từ ngữ đến nhịp điệu từng câu, tạo ra điệu riêng từng bài thì sau cùng mới có thể tạo cho mình một thế giới riêng. Đặc biệt, có bài Lá Diêu Bông, duy nhất có một bài này hoàn toàn là những lời văng vẳng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 watt, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con những giường bên cũng đang ngủ say. Tôi không gây một tiếng động khả dĩ làm mất giấc ngủ của những người thân. Đêm nào, khi lên giường nằm, tôi cũng cầm sẵn một tập giấy trắng bên tay trái và cái bút chì bên tay phải. Nếu ngủ được thì càng tốt, nhưng thường về đêm, tôi cứ hay thao thức, trần trọc vô cơ. Chẳng có chuyện gì phải lo nghĩ, chẳng có ý định gì trong đầu mà sao về quá nửa đêm một mùa rét ấy, tôi vẫn không ngủ được. Bốn bề yên tĩnh. Nhà tôi ở vào một phố nhỏ, lại lúi tít vào phía trong nên tiếng xe cộ thưa thớt ngoài đường tôi cũng không nghe rõ. Im lặng. Chợt bên tai vẳng lên một giọng nữ rất nhỏ nhẹ mà rành rọt, đọc chậm rãi, có tiết điệu, nghe như từ thời nào xa xưa vẳng đến, có lẽ từ tiền kiếp vọng về:

Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...

Tôi xoay người trong chăn về phía bên trái và ghi ngay lên giấy. Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im bật hẳn, lòng tôi nhẹ bẫng đi, được một lát thì tôi ngủ thiếp. Sớm hôm sau nhìn lại trang "bản thảo" thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ này xóa mất chữ khác. Phải mất nửa giờ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết lúc quá nửa đêm hôm qua. Bài Lá Diêu Bông ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học.

Vậy nên, cái lá diêu bông là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc diêu bông, tôi chép diêu bông, thế thôi. Nhưng nó có nguồn gốc đấy. Năm 12 tuổi, tôi say mê một người con gái lẳng giềng hơn tôi những 8 tuổi. Vì từ năm lên tám, tôi đi trọ học trên Thị Xã Phủ Lạng Thương, chiều thứ bảy, mười phút xe lửa lại đưa tôi về nhà, ở cái phố ga xép Như Thiết, tên chữ nhà ga đề là Núi Tiết, thực tên là Thiết Sơn, một tổng thuộc Huyện Việt Yên. Phố Ga ấy cách Hà Nội 44 km. Còn 6 km nữa thì qua Cầu sông Thương (con sông Thương nước chảy đôi dòng), tới Ga Phủ Lạng Thương. Đường số 1 chạy qua trước cửa nhà, sau lưng là đường xe lửa Hà Nội-Lạng Sơn ngăn cách với mảnh vườn nhỏ sau nhà bằng một hàng rào cát xén khá đẹp trồng toàn những cây ruối, dâm bụt dày dạn. Nhà tôi có tủ thuốc bắc của ông bố, có đôi bồ hàng xén của bà mẹ.

Một chiều thứ bảy, khoảng hơn 4 giờ, tôi về chưa kịp bước vào trong nhà đã thấy một cô gái đang mua gì của mẹ tôi. Khi cô ấy ngừng đầu lên, nhìn ra đường thì cậu bé lên tám choáng người, như sau này người ta thường nói là bị "coup de foudre" 1. Người con gái đẹp đến mê hồn. Rồi thứ bảy sau, về nhà, tôi trao bức thư

tỏ tình đầu tiên viết bằng thơ lục bát, dài hơn một trang giấy kẻ học sinh trên có vẽ hoa vẽ bướm, một vài ngọn núi, một dòng sông với chữ viết đậm, mực tím, nắn nót:

Em gửi Chị Vinh của Em. ấy, sờ dĩ mới bé tí đã làm được một trang thơ lục bát vì ở trên nhà trọ, chỗ thân tình với bố tôi, chủ nhà chính là ông sếp ga xép Núi Tiết ấy, gia đình ông trên Tỉnh đông con, làm nghề hàng xay hàng xáo, đêm nào cũng xay lúa giã gạo rồi dần sàng quạt sây đến khuya. Tôi học bài, làm bài xong, tuy buồn ngủ, các anh các chị cứ bắt xuống nhà ngang, từ 9 giờ tối, đêm nào cũng phải đọc đủ các thứ truyện dân gian, in khổ nhỏ, bán rẻ từ 2 xu đến 1 hào, đủ các loại truyện, thể thơ lục bát, từ Trê Cóc đến Truyện Kiều, từ Nhị Độ Mai đến Hoa Tiên, rồi Hoàng Trừu, Thạch Sanh, Phạm Công Cúc Hoa, Tống Trân Cúc Hoa...Lục Vân Tiên, Phạm Tải, cả Cung Oán Ngâm Khúc đến Chinh Phụ Ngâm...v. v... Vì thực ra, ngay từ bé tôi sớm có giọng hát hay, ngâm thơ cũng hấp dẫn người nghe lắm.

Đọc hết lượt, phải đọc lại. Thể thơ lục bát thấm vào người từ nhỏ tuổi, mình lại bẩm sinh yêu thích thơ ca, nên tôi có viết bức thư tình gửi người gái Kinh Bắc, người Chị làm Em say mê ngơ ngẩn suốt năm năm ấy, mà thư tình lại viết bằng thơ lục bát thì hẳn không phải là điều gì đáng ngạc nhiên phải không, thưa các bạn ? Tôi say mê Chị, Chị đi đâu Em theo đấy, chỉ biết gọi Chị ơi, chứ còn biết nói gì hơn. Người gái tuyệt sắc ấy con một nhà nho chẳng may chết sớm, ba mẹ con, mẹ góa con cô nghèo khổ, đèo bồng nhau lên cái phố xép này mở ngôi hàng bán kẹo bánh, nước chè tươi, nước vối, cả bánh đa, bánh đúc, bánh chưng, bánh mật, bánh khoai. Chị Vinh vẽ chữ nho, đọc thông Quốc Ngữ, người quê gốc cũng Tiên Du, nên hát Quan Họ thì làm mê người ta ngang với nhan sắc của Chị. Chị cũng thừa biết thằng bé con này nó mê đắm mình nên Chị cứ hay trêu đùa, lắm lúc tôi phát khóc, nhưng cũng nhiều giờ phút tôi có một hạnh phúc không gì sánh bằng là được Chị Vinh cho ngồi sát bên Chị, châu rìa những cuộc chơi tam cúc ngày Tết, ngày Xuân hay ngày hội. Chị thường hay nhờ những đêm trăng sáng vào mùa Hè, mùa Thu, tổ chức những đám thanh thiếu niên tụ tập ở cái bãi sau ga, hát ví, hát trống quân, hát ống, hát giao duyên, hát vắn đáp, đặc biệt là về môn hát Quan Họ thì Chị là bà Chúa của dân ca ! Giọng ngọt, say như mật ong, đôi mắt đen thăm thẳm với hàng mi cong và dài, má luôn luôn ửng đỏ, môi luôn luôn đã hồng lại thường hay cắn chỉ quét trà, răng đen rung rức hạt na.

Chị Vinh ơi, viết đến đây, Em vẫn bồi hồi nhớ từng sợi tóc Chị dán trên vàng trán, từng con mắt Chị lúng liếng tình tứ, từng giọng hát, từng lời nói, từng nụ cười, Em còn ngửi thấy hơi tóc ẩm của Chị thoảng mùi hương nhu mới gội buổi chiều, mà nếu Chị buông tóc dài gần đến mắt cá chân để hong khô thì cả suối tóc ấy làm thành thế giới mê say của riêng Em từ độ ấy đến nay, dầu tóc Em đã trắng hết, Em vẫn có thể vẽ đúng chân dung Chị tuyệt vời nếu có người chỉ dẫn cho Em đôi điều sơ đẳng về nghệ thuật hội họa. ảnh Chị in màu trong hồn Em, không một nhà khoa học nào có thể làm ra cho Em những tấm ảnh như Em đang có trong một mảnh hồn lá lướt xanh xao, trong một tâm tư u buồn chạng vạng mà vẫn còn đầy đủ và tươi tắn, nguyên vẹn những kỷ niệm từ sáu bảy chục năm xưa đấy, Chị ơi !

Tình của người Em với người Chị ấy, sơ lược là thế. Tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn nhiều trong tập hồi ký sau này, để một số bạn ở xa quê hương hiểu kỹ về tôi hơn, tránh được những điều bình luận sai lạc thậm chí nguy hiểm nữa mỗi khi luận về những thi phẩm của tôi. Trong tập Về Kinh Bắc, thì hai nhân vật Chị và Em ấy đã xuyên qua năm tháng và không gian, qua mưa phùn và nắng rát, qua biết bao hình thái của tâm tư, của số phận, mà trọi lên vẫn là cái sào đơn phương, cứ vắn vương mãi, cho tôi nhớ mãi đến hết một kiếp này, biết đâu còn sót xa yêu thương vào tận kiếp sau...kiếp sau nữa...

Vậy chỉ mới sau vụ Nhân Văn- Giai Phẩm có một thời gian ngắn, thơ của tôi đã lùi về quá khứ, chẳng biết có phải ẩn dụ ẩn diếc gì chẳng, chỉ có điều là qua thời gian viết được ra 48 bài thành tập thơ Về Kinh Bắc này, tôi không một phút nào nghĩ đến thời cuộc chính trị và xã hội trước mắt. Tôi chìm về một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh, là ảo ảnh mà tưởng như gần gũi đâu đây, cứ chập chờn năm tháng và băng lảng không gian, xanh mơ mong manh màu kỷ niệm pha chút tím của tiếc hận, chút hồng của tuổi thơ, chút biêng biếc thắm của say mê não nùng, của thương cảm không có bến buông neo, và nhìn chung chỉ thấy con mắt của thời gian không hề suy suyển đến một sợi mi cong...Như gần đây tôi đã phải thốt ra: “Mất thời gian càng miên man xanh”.

Rồi Chị Em Đi Về Kinh Bắc, lúc thì đổ Lá Diêu Bông, lúc vào Vườn Ồi, lúc Đánh Tam Cúc, lúc lên Ngọn sông Thương, lên tít Ngọn Kỳ Cùng, lúc Đếm Sao, Đếm Nắng, Đếm Giờ, Em cứ theo đuổi Chị qua hội Hè rồi qua cả những tàn tạ của cảnh vật và lòng người, cho đến mùa rét năm 1934. Cái Lá Diêu Bông bắt nguồn từ buổi chiều năm ấy, hình như vào dịp Lễ Thiên Chúa Giáng Sinh, những bốn năm ngày liền tôi về gia đình ở cái phố ga xép đầu hiu ấy, nghĩa là cứ được nghỉ học thì tôi về ngay nhà với niềm say mê đơn phương, một chuyện tình có Chị có Em mà tôi vẫn chỉ là một khối cô đơn “lẻo đẻo bụi hồng”. Tôi đã 12 tuổi và chị Vinh đã 20.

Vào chiều mùa Đông năm ấy, nắng hanh vàng rộm. Trời xanh trong màn sương cực mỏng không một gợn mây. Heo may se se lạnh. Chị mặc váy kiểu Đình Bảng, áo cánh lụa mỡ gà đã cũ, có mảnh vá trên vai, ngoài bó chẹn lưng ong bằng cái gi-lê tím, sờn rách, chiếc yếm màu cánh sen đã nhạt, dây thắt lưng hoa đào phai, Chị thoăn thoắt đi ra ngoài cánh đồng, ngày ấy lúa đã gặt hết. Cả cánh đồng rộng đầu cái phố ga xép ấy chỉ còn trơ những cuống rạ tít tắp đến chân dãy núi Neo. Cậu bé Em 12 tuổi, vốn dĩ lúc nào cũng trông ngóng, ngó nhìn, chờ đợi Chị, thấy Chị đã bỏ cửa hàng chiều vắng khách, mặc cho đứa em trai lên sáu ngồi xua ruồi hoặc ăn vụng cái kẹo vừng, rồi thấy Chị bước nhanh ra cánh đồng, đương nhiên là cậu Em theo ngay, và bất kỳ đi theo Chị ở đâu, đến đâu, cũng chỉ cách sau lưng Chị có ba bước. Chị đi trên bờ ruộng, cứ vạch từng búi cỏ đầu bờ hoặc từng đám cây hoang dại trên mấy cái gò nhỏ giữa đồng và cứ cúi tìm...tìm mãi...chả biết Chị tìm gì vậy.

Em cứ theo sau, không hỏi, không nói, trống ngực cứ thập thùng từng giây phút theo đuổi, miệt mài lảng lảng say. Lâu lắm, bỗng Chị đứng thẳng người quay mặt nhìn Em, rồi nói, như một lời trách, như một lời quở mắng, lại như một lời mình nói với chính mình (gần 60 năm rồi, hôm nay tôi còn nhớ như in từng lời trong bộ não đã hơi suy, trong tấm lòng may thay vẫn là tấm lòng 12 tuổi): “Ờ hay ! Sao mà cứ theo tao lảng nhãng mãi thế nhỉ ?”. Máu Em dồn lên nóng ran khắp người, hẳn là cậu Em đang đỏ mặt, môi Em run run, không nói lại với Chị được nửa lời. Hình như Em thoáng thấy Chị mỉm cười, rồi Chị lại bước sang bờ ruộng khác, vẫn tìm...tìm mãi. Nắng đã sẫm dần. Mãi sau, Em mới bạo dạn hỏi:

- Chị Vinh ơi ! Chị đi tìm cái gì thế ?

Chị Vinh quay phắt lại, hình như má Chị hồng hơn lúc nãy. Chị nhìn thẳng, nhìn xoáy vào mắt Em và gần 60 năm rồi, tôi vẫn nhớ như vẽ cái miệng rất tươi của Chị đậm nét một nụ cười trên cợt rất bí ẩn kiêu xa. Chị nói, cũng một giọng bỡn cợt như thách đố, như đùa vui trên gheo:

- Ừ, Chị (các bạn chú ý dùm tôi cách thay đổi chủ từ trong câu nói này của Chị) Chị đi tìm cái lá...ấy đấy, đứa nào tìm được cái lá ấy (Chị càng cười càng rõ về trên cợt) ta gọi là chồng !

Các bạn ơi, nghe vậy, tim tôi như lặng đi ngừng lại vài giây rồi đập rất mạnh, người tôi nóng ran lên trong buổi xế chiều càng lạnh. Lúc đó, Chị nói tên một cái lá có lẽ có thật, chỉ mấy năm sau thì tôi quên bẵng, thôi thì hôm nay tôi cứ gọi cho nó

có tên như Chị đã gọi tên, lá thanh thảo hay đài bi chẳng hạn, hoặc gọi lá tai voi, lá mắt nai gì đó, xin thú thật với các bạn là ít lâu sau buổi chiều mùa rét ấy, tôi không nhớ nữa. Nhưng ngay lúc bấy giờ, sau cơn nóng bừng, toàn thân ấm áp vào tận đáy thẳm tâm hồn ấy, tuy mới 12 tuổi, tôi cũng đã nghĩ ngay ra rằng cái lá ấy rất hiếm, ở những vùng nào nhiều đồi núi, khe suối cơ, may ra mới tìm được, mà tìm lá ấy chắc là để chữa khỏi một chứng bệnh gì hiểm nghèo nguy kịch hoặc có khi lại lấy lá vò nát ra, hay giã kỹ lấy nước xoa lên khắp mặt sẽ làm cho da dẻ tươi hồng, mịn màng lên. Nhưng hẳn là khó tìm lắm lắm, chẳng thế mà Chị đi hết bờ này bãi nọ, gần cả một buổi chiều, có thấy được đâu ! Cái lá oái oăm thế ! Chị mới trêu đùa thẳng bẻ mà Chị biết là nó đang say mê mình, nó “phải lòng” mình từ năm năm nay rồi...còn gì ! “Đứa nào tìm được.. ta gọi là chồng !”

Chị Vinh ơi, bây giờ Chị ở cõi nào, nếu còn sống, Chị cũng đã gần tám mươi tuổi đấy chứ, sao hôm nay, Em đã ngoài 70, lúc Em viết những trang nhớ lại này, Em hoàn toàn vẫn là đứa em 12 tuổi đang theo Chị và Chị vẫn đang tuổi hai mươi, ngoài cánh đồng chiều làng Như Thiết ấy, Chị vẫn trẻ đẹp diệu kỳ Chị ơi !

Chiều ấy, trời xẩm tối rồi, Chị lại cho Em được cầm tay Chị. “Chị em thơ thân đan tay ra về”...mà nào đâu chiếc lá ? Hết phép nghĩ, tôi lại lên Thị Xã ở trọ, ngày hai buổi đến trường, cặp sách trong tay, hình ảnh Chị trước mắt, lời nói trêu đùa của Chị không lúc nào không réo gọi trong tấm lòng cô đơn trống trải của cậu con trai sớm đã si tình.

Chiều thứ bảy sau, khi tôi xuống tàu, vào phố xép đi về nhà, nhìn sang nhà Chị Vinh thấy cánh liếp đóng im ỉm. Tôi như lạc mất trí, chạy vội vào nhà, cũng không kịp chào mẹ tôi đang ngồi khâu vá trên cái chõng tre, mà hỏi ngay:

- Mẹ ơi, sao bên nhà chị Vinh lại đóng kín cửa thế hả mẹ ?

Mẹ tôi kéo tay tôi ngồi sát bên, nói rất nhỏ, mà hình như trong giọng nói của mẹ tôi có cái gì như nước mắt nghẹn lại:

- Nó đi lấy chồng rồi, con ạ.

Tôi bỗng khóc oà lên, khóc như có một thế giới nào vừa đột ngột nổ vỡ tung ra trong vũ trụ. Tôi gục đầu vào lòng mẹ, khóc mùi, lòng mẹ tôi đầy mà sao tôi lại khóc như đứa trẻ lên ba, mẹ đang bế đi chơi, đến một cánh đồng chiều vắng, bỗng dung mẹ biến đi đâu mất, để đứa bé bơ vơ giữa mênh mông trời đất cô quạnh và xa lạ, lạnh lẽo thế. Mà nó khóc !

Tôi chỉ kể với các bạn đến đây thôi, còn cuộc đời người Chị ấy về sau, tôi chỉ xin tóm gọn bằng bốn chữ đã quá cũ kỹ, nghe rất sáo mòn, nhưng tôi không thể dùng được những từ nào khác ngoài bốn chữ ấy: Hồng nhan bạc mệnh...

Trở lại mùa rét năm 1959, nghĩa là đúng một phần tư thế kỷ đã qua sau cái buổi chiều mùa Đông có Chị có Em trên cánh đồng quê. Chị đi tìm lá rồi...Chị đổ lá... “Đứa nào tìm được.. ta gọi là chồng...” Và bài thơ Lá Diêu Bông ra đời trong đêm khuya, như tôi đã kể ở trên, bài thơ duy nhất trong đời làm thơ của tôi do thần linh giọng nữ cao đọc từ đầu đến cuối cho tôi chép như viết chính tả. Còn một số bài khác như Cây Tam Cúc, Quả Vườn Ổi, Cỏ Bồng Thi, Bên Kia Sông Đuống, Chùa Hương, Về Với Ta...những bài cũng được nhiều bạn đọc ưa thích trong nhiều năm nay thì bao giờ cũng ra đời trong đêm và vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải là của tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc có nhịp điệu, có tiết tấu, mà tôi cứ xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được. Nếu chợt nghe mà lười biếng, hoặc chủ quan nghĩ rằng để sáng mai sẽ ghi lại ra giấy thì chỉ một vài phút sau, muốn nhớ lại, không tài nào nhớ nổi một chữ, đừng nói là cả ba bốn dòng...

Trong đời làm thơ của tôi, thời còn trai trẻ, tôi đã mất khá nhiều những câu thơ “xuất thần” bất chợt trong đêm khuya, lúc chưa ngủ được, nên từ hồi đầu kháng

chiến chống Pháp, tôi đã rút kinh nghiệm, cứ đến giờ (thường là gần nửa đêm) lên giường ngủ, bao giờ tôi cũng để bên phía tay trái mình một tập giấy trắng và tay phải cầm cái bút chì học sinh (bây giờ đã có bút bi thay cái bút chì). Hễ không ngủ được, tâm tư lan man đâu đâu, gì gì đó, mà bỗng nghe văng một câu, dẫu chỉ là một câu băng quơ, tôi phải ghi ngay lập tức. Lười một tí thôi là mất đứt. Mà thường lại là những câu thơ rất có sức gợi cảm. Dẫu tiếng văng vẳng đã tắt, mà cảm xúc chưa tan, thì những dòng thơ cứ tự nhiên bật trào ra ngay, tôi viết tiếp bằng cảm xúc của mình. Y như đã có tia nước phun lên thì phải tiếp tục đào đất, chắc chắn sẽ có được cái giếng đầy nước. Lúc đó thì cả ba loại thơ (như các nhà phê bình văn học Trung Quốc đã đúc kết thành lý luận về thơ) là ngôn thi, tâm thi và thần thi đều có thể xuất hiện trên trang viết.

Và cùng lúc đó thì có ba cái “thức” đều phải vận động, phải làm việc cho thơ. Đó là ý thức, tiềm thức và vô thức, cũng đủ cả một cặp: Trí thức và tâm thức nữa. Ở tôi thì luôn luôn cái tâm thức làm việc nhiều hơn trí thức, nhất là với toàn tập Về Kinh Bắc, tôi đã huy động tất cả nội lực của mình: Cả thể lực, trí lực, tâm lực và đương nhiên, ở tôi, thần lực thường tự động làm bật ra rất nhiều lời thơ lắm khi tưởng như vô nghĩa, mà ngay bản thân tôi cũng không hiểu những từ ngữ chính mình viết ra mang ý nghĩa gì cụ thể. Ai hỏi tôi lá diêu bông, cỏ bông thi là lá gì, cỏ gì, ở đâu ? Tôi chịu không giải thích được. Ngay cả nhiều sinh viên khoa Văn ở Hà Nội cũng đã hỏi tôi: “Miếu Hai Cô” là ở đâu ? Hai Cô nào ? Tại sao lại thờ ? Hoặ cầu bà Sấm là trên con sông nào, bến cô

Mưa là ở khúc nào của con sông nào, tôi cũng chịu không có lời giải đáp. Tôi nghĩ rằng, trong lĩnh vực thơ ca, những khúc hát hay, những bài thơ, những câu thơ hay thường rất khó giảng hết được cái hay của nó. Vì ngoài ý nghĩa cụ thể của từng câu, từng chữ, thơ lại còn nhạc điệu, mà theo tôi hiểu, nhạc điệu của một bài thơ lại chính là chiếc xe chở cái hồn của bài thơ đi để nhập, để hòa với hồn người đọc. Và người xưa cũng đã nói từ lâu đến “thi tại ngôn ngoại”. Thơ đã có ý là để hiểu. Nhưng thơ lại còn cái tứ. Cái tứ ở đâu ra ? Từ chữ, từ âm vận, rồi âm điệu. Cái tứ của thơ, phải đọc được ngoài lời. Có nhiều bài thơ mang một tứ rất lạ, rất khó giảng, khó bình, mà nhiều khi chỉ cảm thấy được thôi.

Tôi hy vọng, rất chân thành, được gặp những tâm hồn bầu bạn, có độ lượng để bao dung, có tấm lòng nhân ái để thông cảm, có tri thức đủ để hiểu thấu đáo tác phẩm và tác giả, hiểu cả điểm mạnh và điểm yếu của một người suốt đời lấy Thơ làm cứu cánh, làm mục đích, làm lẽ sống, chứ không bao giờ lấy Thơ làm phương tiện để cho mình đạt tới những gì gì đó mà tâm hồn mình không thể chấp nhận. Ví dụ như danh và lợi, sự bon chen, sự cầu cạnh, sự tăng bốc nịnh hót, dèm pha, thù hận v.v...là những cái rất xa lạ với tôi, có lẽ xa lạ cả với Thơ chân chính nữa.

Tôi đã trở về với tâm tư riêng, thế giới riêng của mình như đã nói ở trên, về với quê hương xưa, vùng Kinh Bắc xa xưa mà vẫn gần gũi, về với những người đã khuất bóng ở nhân gian nhưng mãi mãi hiện diện trong tâm hồn tôi. Và tập Về Kinh Bắc đã ra đời như thế, mặc nhiên thành cột xương sống cho toàn bộ thi phẩm của tôi kể từ những năm 40 của thế kỷ này.

Hà Nội, những ngày cuối năm Nhâm Thân 1992
Hoàng Cầm